TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2022/DS-ST
Ngày 18-7 -2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trạng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Công Đoàn

Ông Nguyễn Hoàng Ảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 18 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 230/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2022 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2022/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông Tạ Hoàng D, sinh năm 1965; nơi cư trú: Ấp TTh, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

2. Bà Nguyễn Tuyết P, sinh năm 1966; nơi cư trú: Ấp Tân Th, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- *Bị đơn:*

1. Bà Trần Thị L, sinh năm 1968; nơi cư trú: Ấp TTh, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

2. Ông Lê Văn T; nơi cư trú: Ấp Tân Thành, xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

3. Anh Lê Bảo N; nơi cư trú: Ấp TTh, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

4. Anh Lê Đức A, sinh năm 1995; nơi cư trú: Ấp TTh, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Tạ Hoàng D trình bày tại Biên bản hòa giải ngày 27/6/2022:

Ngày 17/7/2017 al, ông và bà bà P đã cho ông T, bà L vay 100.000.000đ,

lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay 12 tháng. Từ khi vay đến nay, ông T, bà L trả lãi được 12.000.000đ, không trả vốn. Ông yêu cầu ông T, bà L, anh Đức A và anh N trả cho ông và bà P số tiền nợ 150.000.000đ (gồm 100.000.000đ vốn và 50.000.000đ lãi.

Bà Trần Thị L và anh Lê Đức A thống nhất trình bày tại Biên bản hòa giải ngày 27/6/2022: Bà L, anh Đức A thống nhất lời trình bày của ông D về thời gian, số tiền vay, lãi suất và thời hạn trả, số tiền lãi đã trả, từ khi vay đến nay chưa trả vốn. Bà L và anh Đức A yêu cầu được trả trước 100.000.000đ, số tiền lãi yêu cầu được trả sau khi trả xong vốn. Bà L, anh Đức A xác định vay tiền của nguyên đơn để đầu tư nuôi tôm công nghiệp, lo cho cuộc sống gia đình.

Tại phiên tòa,

Ông D, bà P yêu cầu ông T, bà L, anh Đức A và anh N cùng trả số tiền vốn 100.000.000đ, tiền lãi 30.000.000đ.

Bà L và anh Đức A đồng ý trả cho ông D, bà P số tiền vốn 100.000.000đ, tiền lãi 30.000.000đ.

Đối với ông Lê Văn T, anh Lê Bảo N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng các đương sự vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến giải trình liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Văn T, anh Lê Bảo N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên là phù hợp.

[2] Về phạm vi khởi kiện: Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi 50.000.000đ. Tại phiên Tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi 30.000.000đ. Xét thấy, việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Về yêu cầu trả vốn, xét thấy: Theo lời trình bày của ông D, bà P, bà L, anh Đức A và giấy vay nợ ngày 17/7/2017 al, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Ngày 17/7/2017 al, ông D, bà P đã cho ông T, bà L vay 100.000.000đ, lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay 12 tháng, từ khi vay đến nay ông T, bà L không có trả vốn. Nên ông D, bà P yêu cầu trả số tiền vốn 100.000.000đ là phù hợp.

Về yêu cầu trả lãi: Tại phiên Tòa, ông D, bà P yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi 30.000.000đ, bà L và anh Đức A thống nhất trả cho nguyên đơn 30.000.000đ. Xét thấy: Ông D, bà P, bà L và anh Đức A đều thống nhất thỏa thuận trả cho nguyên

đơn số tiền lãi 30.000.000đ, việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về nghĩa vụ trả nợ: Theo lời trình bày của bà L, anh Đức A thể hiện: Ông T, bà L vay tiền của nguyên đơn sử dụng để đầu tư nuôi tôm công nghiệp, lo cho cuộc sống gia đình và theo giấy mượn tiền, ông T, bà L, anh N và anh Đức A đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền nợ.

Đối với ông T, anh N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D, bà P. Buộc ông T, bà L, anh Đức A và anh N trả cho ông D, bà P số tiền nợ 130.000.000đ.

[4] Về án phí dân sự: Ông D, bà P không phải chịu, đã nộp tạm ứng án phí được nhận lại. ông T, bà L, anh Đức A và anh N có đơn xin giảm án phí đúng theo quy định của pháp luật nên được giảm 50% án phí, theo đó bị đơn phải chịu 130.000.000đ x 2,5% = 3.250.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 13, Điều 14, Điều 15 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Hoàng D và bà Nguyễn Tuyết P.

1. Buộc ông Lê Văn T, bà Trần Thị L, anh Lê Đức A và anh Lê Bảo N trả cho ông Tạ Hoàng D và bà Nguyễn Tuyết P số tiền nợ 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự: Ông Tạ Hoàng D, bà Nguyễn Tuyết P không phải chịu, hoàn trả lại cho ông D, bà P số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 3.750.000đ (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0012557 ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi. Ông Lê Văn T, bà Trần Thị L, anh Lê Đức A và anh Lê Bảo N phải chịu 3.250.000đ (ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Quốc Trạng